

Số: /GPMT-STNMT

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1685/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2022 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ủy quyền thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường; cấp, cấp đổi, cấp điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép môi trường;

Căn cứ Công văn số 2351/VP-ĐTĐT ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Văn phòng UBND thành phố về việc cấp giấy phép môi trường của dự án Khu du lịch biển Vinacapital Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 257/QĐ-STNMT ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về giao nhiệm vụ thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường số 0106/2022/CV-DNR ngày 01 tháng 6 năm 2022 của Công ty TNHH Khu du lịch biển Vinacapital Đà Nẵng và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Khu du lịch biển Vinacapital Đà Nẵng, địa chỉ tại: Khu du lịch biển The Ocean Villas, đường Trường Sa, tổ 47, phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Khu du lịch biển Vinacapital Đà Nẵng với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Khu du lịch biển Vinacapital Đà Nẵng.

1.2. Địa điểm hoạt động: đường Trường Sa, phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: mã số dự án: 1038330551, chứng nhận thay đổi lần thứ 03 ngày 12 tháng 12 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp.

1.4. Mã số thuế: 0400558832

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: căn hộ, biệt thự và các tiện ích đi kèm.

1.6. Phạm vi, quy mô của dự án đầu tư:

TT	Nội dung	Quy mô	Hiện trạng
I	The Ocean Villas (Khu biệt thự đại dương)		
1	Biệt thự (Villas)	113 căn biệt thự; mỗi căn biệt thự gồm 02 tầng cao + 01 tầng lửng.	Đã hoàn thành
2	Nhà hàng	01 nhà hàng 200 suất ăn/ngày.	Đã hoàn thành
3	Hồ cảnh quan	01 hồ cảnh quan với diện tích 17.189 m ² .	Đã hoàn thành
4	Khối khách sạn biển	Xây dựng mới khối khách sạn biển gồm 01 tầng hầm + 10 tầng cao + 01 tầng mái + 01 tầng tum với 136 phòng, 02 nhà hàng với 366 suất ăn/ngày (01 nhà hàng 212 suất ăn/ngày và 01 nhà hàng 154 suất ăn/ngày), 01 căng tin và các hạng mục phụ trợ khác (giặt là, bar, câu lạc bộ, yoga, gym, spa, cà phê, shop).	Chưa thi công xây dựng
II	The Ocean Suites (Khu căn hộ đại dương)		
1	Khối nhà A	Cao 6 tầng với 46 căn hộ.	Đã hoàn thành
2	Khối nhà B	Cao 9 tầng với 70 căn hộ.	Đã hoàn thành
3	Khối nhà D (Văn phòng điều hành)	Khối nhà gồm 01 tầng hầm + 02 tầng nổi.	Đã hoàn thành
4	Khu vực bể bơi	01 bể bơi thể tích 760 m ³ .	Đã hoàn thành
5	Nhà hàng, bar	01 nhà hàng, bar phục vụ 200 người/ngày.	Đã hoàn thành
6	Khu spa, massage	Khu spa, massage phục vụ 100 người/ngày.	Đã hoàn thành

7	Khối căn hộ du lịch	Xây mới khối căn hộ du lịch gồm 01 tầng hầm + 28 tầng cao + 01 tầng mái + 01 tầng tum với 256 căn hộ, 01 nhà hàng 52 suất ăn/ngày và các hạng mục phụ trợ khác (cà phê, siêu thị, cửa hàng, văn phòng, nhà sinh hoạt cộng đồng, phòng họp).	Chưa thi công xây dựng
III The Ocean Estates (Khu biệt thự biển)			
1	Biệt thự (Villas)	37 căn biệt thự; mỗi căn biệt thự gồm 02 tầng cao + 01 tầng lửng.	Đã hoàn thành
2	Nhà câu lạc bộ	Diện tích 500 m ² .	Đã hoàn thành
3	Hồ cảnh quan	01 hồ cảnh quan diện tích 6.591,76 m ² .	Đã hoàn thành
4	Không gian công cộng	Diện tích 1.400 m ²	Đã hoàn thành

Phạm vi cấp giấy phép môi trường không bao gồm các công trình, hạng mục công trình chưa thi công, xây dựng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Khu du lịch biển Vinacapital Đà Nẵng

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Công ty TNHH Khu du lịch biển Vinacapital Đà Nẵng có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường và các quy định khác có liên quan; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu

bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND quận Ngũ Hành Sơn, UBND phường Hòa Hải và các cơ quan chức năng liên quan nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (Mười) năm kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Giao Chi cục Bảo vệ môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Khu du lịch biển Vinacapital Đà Nẵng” theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố (báo cáo);
- Giám đốc Sở (báo cáo);
- Các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Du lịch; (p/hợp);
- UBND quận Ngũ Hành Sơn (p/hợp);
- UBND phường Hòa Hải (p/hợp);
- Trung tâm CNTT TN&MT;
- Công ty TNHH Khu du lịch biển Vinacapital Đà Nẵng (t/hiện);
- Lưu: VT, CCMT, H

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Võ Nguyên Chương

*Quét mã QR tại đây để tải
giấy phép môi trường của
Dự án Khu du lịch biển
Vinacapital Đà Nẵng*



Phụ lục I
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT
ngày tháng năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải: nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của các công trình, hạng mục đã thi công hoàn thành của Dự án (nêu tại mục 1.6 Điều 1 Giấy phép môi trường).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước của thành phố trên đường Trường Sa, sau đó chảy vào sông Cổ Cò tại phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

2.2. Vị trí xả nước thải

2.2.1. Vị trí đầu nối vào cống thoát nước thành phố trên đường Trường Sa - Phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3°): $X = 1766869.48$, $Y = 556484.938$

2.2.2. Vị trí xả nước thải vào sông Cổ Cò

- Phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3°): $X = 1767433.989$, $Y = 555327.106$

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $480 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ ($20 \text{ m}^3/\text{giờ}$).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A, hệ số $K = 1,0$) sẽ dẫn vào mương chung của Dự án. Từ đây, một phần nước thải sau xử lý sẽ dẫn vào hồ cảnh quan để bơm đi tưới cây, cỏ, rửa đường với lưu lượng khoảng $140 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$; phần nước thải sau xử lý còn lại khoảng $340 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ sẽ chảy vào hệ thống thoát nước thành phố trên đường Trường Sa, sau đó chảy vào sông Cổ Cò theo phương thức tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ/ngày đêm.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A, hệ số $K = 1,0$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	pH	-	5 - 9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	30
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	30
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	6
11	Tổng Coliforms	MPN/ 100 ml	3.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về công trình xử lý nước thải

Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của các công trình, hạng mục đã thi công hoàn thành của dự án (nêu tại mục 1.6 Điều 1 Giấy phép môi trường) được thu gom bằng các tuyến ống có đường kính từ D75mm đến D250mm và 05 trạm bơm nước thải có công suất: 17 m³/giờ, 22 m³/giờ, 28 m³/giờ, 33 m³/giờ, 58 m³/giờ về hệ thống xử lý nước thải công suất 480 m³/ngày đêm để xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình kỹ thuật công nghệ: Nước thải → Bể yếm khí → Bể tách dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí (MBBR) → Bể lắng → Bể trung gian → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Mương tập trung chung của Dự án → Một phần thoát vào hồ cảnh quan để tận dụng tưới cây, rửa đường; phần còn lại thải vào cống thoát nước trên đường Trường Sa, rồi thải ra sông Cỏ Cò.

- Công suất thiết kế: 480 m³/ngày đêm

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: bùn hoạt tính, hóa chất keo tụ trợ lắng (PAC), hóa chất điều chỉnh pH (NaOH), hóa chất khử trùng (Chlorine).

- Mùi phát sinh tại hệ thống xử lý nước thải công suất 480 m³/ngày đêm

được thu gom, xử lý tại hệ thống xử lý mùi, cụ thể:

- + Lưu lượng quạt hút: 40 - 50 m³/phút.
- + Lưu lượng khí thải, mùi xử lý tối đa: 3.000 m³/giờ (72.000 m³/ngày đêm).
- + Quy trình kỹ thuật công nghệ: Khí thải, mùi hôi → Tháp xử lý sinh học bằng chế phẩm sinh học kết hợp giá thể xơ dừa → Tháp hấp thụ hóa học bằng dung dịch kiềm → Ống thoát khí bằng inox 304 đường kính 168mm → Thải ra môi trường tại vị trí cách mái nhà 1,0m, cách mặt đất 4,5m.
- + Định kỳ 1 - 3 tháng/lần sẽ thay mới dung dịch trong bồn chứa và dung dịch hóa chất sau sử dụng sẽ được thu gom về hệ thống xử lý nước thải để xử lý.
- + Chất lượng khí thải, mùi trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và cột B, QCVN 19:2009/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	NH ₃	mg/Nm ³	50
2	H ₂ S	mg/Nm ³	7,5

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Kết cấu công trình phải kiên cố, chắc chắn, chống rò rỉ nước thải ra ngoài môi trường, đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định.
- Tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho hệ thống xử lý nước thải.
- Bố trí thiết bị, máy móc dự phòng.
- Bố trí các bộ kỹ thuật có chuyên môn vận hành hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý mùi.
- Hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý mùi phải có nhật ký vận hành được ghi chép đầy đủ, lưu giữ theo quy định.
- Trong quá trình vận hành, tổ chức vệ sinh, bảo dưỡng thiết bị định kỳ để kịp thời phát hiện và xử lý các dấu hiệu có khả năng dẫn đến xảy ra sự cố.
- Xây dựng quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý mùi phù hợp, đảm bảo thông tin trong quá trình vận hành được kết nối thông suốt từ nhân viên vận hành đến bộ phận quản lý.
- Thường xuyên kiểm tra lưu lượng nước thải đầu vào để phát hiện kịp thời sự cố rò rỉ hoặc lưu lượng nước thải tăng đột biến.
- Trong trường hợp xảy ra sự cố, không xả nước thải chưa đạt yêu cầu ra nguồn tiếp nhận. Nước thải được bơm tuần hoàn về bể điều hòa để quay vòng xử lý lại nước thải, đảm bảo chất lượng nước thải đạt yêu cầu về bảo vệ môi trường

trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm trong giai đoạn vận hành ổn định

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: từ ngày 09 tháng 9 năm 2022 đến ngày 15 tháng 9 năm 2022.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: hệ thống xử lý nước thải công suất 480 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

- 01 mẫu tại vị trí đầu vào của hệ thống xử lý nước thải công suất 480 m³/ngày đêm.

- 01 mẫu tại vị trí đầu nối vào cống thoát nước thành phố trên đường Trường Sa.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo quy định tại cột A, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (hệ số K = 1,0).

2.3. Tần suất lấy mẫu: 01 ngày/lần, mẫu đơn.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của các công trình, hạng mục đã thi công hoàn thành của dự án (nêu tại mục 1.6 Điều 1 Giấy phép môi trường) bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

- Lắp đồng hồ đo lưu lượng nước thải sau xử lý tái sử dụng và xả thải ra cống thoát nước của thành phố, sông Cổ Cò.

- Bố trí nhân lực có chuyên môn để quản lý, vận hành trạm xử lý nước thải. Đồng thời, thường xuyên thực hiện công tác duy tu, bảo dưỡng nhằm bảo đảm các thông số chất lượng nước thải luôn đạt quy định trước khi xả vào nguồn tiếp nhận; chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

- Chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện, thiết bị cần thiết để sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm nguồn nước; đồng thời báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép và cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố bất thường đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Bố trí điểm kiểm tra, giám sát xả nước thải vào nguồn nước đặt ngoài hàng rào Dự án, có lối đi thuận lợi. Lắp đặt biển báo tại vị trí xả nước thải vào nguồn nước của dự án.

- Bùn cặn của hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung, hệ thống thoát nước mưa của Dự án phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải công

suất 480 m³/ngày đêm của Dự án cho Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải công suất 480 m³/ngày đêm để theo dõi, giám sát.

- Thực hiện đúng quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Dự án theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường 2020, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.



Phụ lục II
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT
ngày tháng năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn, độ rung từ các máy phát điện dự phòng tại Khu biệt thự đại dương.
- Tiếng ồn, độ rung từ các máy phát điện dự phòng tại Khu biệt thự biển.
- Tiếng ồn, độ rung từ máy phát điện dự phòng tại khối nhà A thuộc Khu căn hộ đại dương.
- Tiếng ồn, độ rung từ máy phát điện dự phòng tại khối nhà B thuộc Khu căn hộ đại dương.
- Tiếng ồn, độ rung từ máy phát điện dự phòng tại khối nhà D thuộc Khu căn hộ đại dương.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung từ các máy phát điện dự phòng tại Khu biệt thự đại dương (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3°): $X = 1767015.454$, $Y = 556809.755$
- Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung từ các máy phát điện dự phòng tại Khu biệt thự biển (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3°): $X = 1767020.083$, $Y = 556580.289$
- Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung từ máy phát điện dự phòng tại khối nhà A thuộc Khu căn hộ đại dương (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3°): $X = 1766790.109$, $Y = 556555.353$
- Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung từ máy phát điện dự phòng tại khối nhà B thuộc Khu căn hộ đại dương (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3°): $X = 1766697.528$, $Y = 556627.801$
- Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung từ máy phát điện dự phòng tại khối nhà D thuộc Khu căn hộ đại dương (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3°): $X = 1766818.669$, $Y = 556681.956$

3. Tiếng ồn, độ rung

3.1. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

TT	Từ 6 giờ - 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ - 6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Ghi chú
	Từ 6 giờ - 21 giờ	Từ 21 giờ - 6 giờ	
1	75	Mức nền	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Đối với máy phát điện dự phòng: đặt tại khu vực riêng trong các phòng cách âm. Chân đế, bệ máy được gia cố, lắp đặt các thiết bị chống ồn, rung.

- Đối với máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải: đặt tại khu vực riêng trong các phòng cách âm. Chân đế, bệ máy được gia cố bằng bê tông và lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su. Chọn động cơ có mức động cơ lớn để giảm số vòng quay để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

- Sử dụng máy móc thiết bị mới, hiện đại đã được thiết kế giảm ồn và giảm rung.

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các máy móc thiết bị.

- Trồng cây xanh xung quanh Dự án để giảm thiểu tiếng ồn phát sinh đến môi trường xung quanh, đảm bảo diện tích cây xanh trong khu vực Dự án theo quy hoạch đã được phê duyệt.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục III
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT
ngày tháng năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

- Khối lượng: khoảng 145 kg/năm.

- Chủng loại: chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang thải, lọc dầu lọc gió, giẻ lau dính dầu nhớt, linh kiện điện tử thải, pin, ắc quy thải, hộp mực in thải.

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 12.000 kg/tháng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

- Bố trí đầy đủ thiết bị phân loại, lưu chứa chất thải nguy hại, đảm bảo thu gom đầy đủ khối lượng chất thải nguy hại phát sinh.

- Tại kho lưu chứa chất thải nguy hại, bố trí 02 thiết bị lưu chứa bằng vật liệu composite, mỗi thiết bị có kích thước (1.285 x 775 x 1.300)mm, dung tích 660 lít.

- Bao bì đựng chất thải nguy hại, thiết bị lưu chứa phải đáp ứng yêu cầu tại Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.1.2. Kho lưu chứa

- Diện tích kho lưu chứa: khoảng 3,8 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: tường được che chắn bằng tôn, mái che bằng vật liệu chống thấm.

- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại phải đáp ứng yêu cầu tại Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

- Bố trí đầy đủ thiết bị phân loại, lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt, đảm bảo thu gom đầy đủ khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.

- Tại kho lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt, bố trí 20 thiết bị lưu chứa bằng vật liệu composite, mỗi thiết bị có kích thước (1.285 x 775 x 1.300)mm, dung

tích 660 lít.

2.2.2. Kho lưu chứa

- Diện tích kho lưu chứa: khoảng 55,0 m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: tường được che chắn bằng tôn, mái che bằng vật liệu chống thấm.



Phụ lục IV
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT
ngày tháng năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

2. Công khai giấy phép môi trường theo quy định tại khoản 1 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp giấy phép môi trường.

3. Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về xây dựng, đất đai, tài nguyên nước và bảo vệ môi trường trong mọi hoạt động của Dự án, đảm bảo không gây tác động xấu đến môi trường; đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu, đánh giá và các kết quả tính toán nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án.

4. Đảm bảo sự phù hợp của Dự án với các quy hoạch có liên quan đã được phê duyệt; chủ động phối hợp với cơ quan chức năng, cộng đồng dân cư để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án.

5. Phải chịu hoàn toàn trách nhiệm khi để xảy ra sự cố môi trường, cháy nổ, an toàn lao động và phải bồi thường thiệt hại cho các tổ chức, cá nhân bị thiệt hại do hoạt động thi công xây dựng, hoạt động của Dự án gây ra.

6. Ban hành, công khai và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong giấy phép môi trường, đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường; đồng thời gửi kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tới UBND phường Hòa Hải và Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn quận Ngũ Hành Sơn.

7. Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12) theo mẫu số 05.A Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và gửi đến các cơ quan sau: Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND quận Ngũ Hành Sơn trước ngày 05 tháng 01 của năm tiếp theo. Hình thức báo cáo công tác bảo vệ môi trường và phương thức gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

8. Thực hiện lưu giữ các tài liệu liên quan đến báo cáo công tác bảo vệ môi trường tại cơ sở để cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra.